

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 244/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10-5-2024

V/v: “Tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Thuận

2. Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên toà.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 753/2023/TLST - HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2024/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 4 năm 2024; giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn K, sinh năm: 1979 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

HKTT: ấp T, xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Nơi ở hiện nay: ấp H, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn anh Trần Văn K trình bày: anh và chị N được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc nhưng dần về sau thì cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm lẫn nhau, mâu thuẫn trong vấn đề tiền bạc. Nhận thấy giữa anh và chị N không thể nào tiếp tục chung sống hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn. Về con chung, anh và chị N có hai con chung tên Trần Hải Đ, sinh ngày 18/9/2003 và Trần Đăng K, sinh ngày 12/4/2009. Hiện cháu Đ đã trưởng thành, cháu K đang sống cùng anh tại ấp T, xã T, huyện Giồng Riềng. Anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu K (xem xét theo nguyện vọng của con), không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Riêng cháu Đ đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/12/2023, bị đơn chị Nguyễn Hồng N trình bày: Chị và anh K kết hôn năm 2002 có đăng ký kết hôn, có hai con chung tên Trần Hải Đ, sinh ngày 18/9/2003 và Trần Đăng K, sinh ngày 12/4/2009 là đúng. Chị cho rằng chị và anh K không có mâu thuẫn gì nên anh K yêu cầu ly hôn chị không đồng ý. Về con chị đồng ý giao cháu K cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết chị thống nhất nhưng chị có ý kiến là để lại tài sản chung vợ chồng cho anh K và anh K chịu trách nhiệm trả các khoản nợ chung của vợ chồng thì chị đồng ý ly hôn. Nếu anh K không đồng ý chị sẽ khởi kiện yêu cầu chia tài sản và nợ chung của vợ chồng khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: anh Trần Văn K và chị Nguyễn Hồng N khởi kiện yêu cầu ly hôn, được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung với chị Nguyễn Hồng N nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và chị N với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn chị Nguyễn Hồng N hiện đang sinh sống tại ấp H, xã H, huyện Giồng Riềng. Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị N biết để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên Tòa xét xử nhưng chị N cố tình

vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tiến hành tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt chị N là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung vụ kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Văn K và chị Nguyễn Hồng N được gia đình cha mẹ hai bên mai mối và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh, chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh và chị N phát sinh nhiều mâu thuẫn trong vấn đề tiền bạc, chi tiêu trong gia đình, thiếu sự tin tưởng, sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và chị N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân từ thời điểm khởi kiện cho đến nay. Trái lại, chị N cho rằng giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng chị không chứng minh và cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Xét thấy, hiện tại giữa anh K và chị N đã không còn chung sống vợ chồng, kể từ thời điểm anh K khởi kiện, chị biết được thông tin và ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh K nhưng lại không có thiện chí hàn gắn, cải thiện tình trạng hôn nhân của chị và anh K, cụ thể: quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã thông báo cho chị biết để tham gia phiên hòa giải nhưng chị cố tình vắng mà không có lý do. Mặc khác, chị bỏ đi nơi khác sinh sống nên giữa anh chị đã không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên có đủ căn cứ để chứng minh mâu thuẫn vợ chồng của anh K và chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên anh K yêu cầu được ly hôn với chị N là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh K được ly hôn chị N.

[2.2] Về con chung, anh K và chị N cùng xác định anh chị có hai con chung tên Trần Hải Đăng, sinh ngày 19/8/2003 và Trần Đăng Khôi, sinh ngày 12/4/2009. Cháu Đăng hiện đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng cháu Khôi có ý kiến được sống với anh K nên xét theo nguyện vọng của con, Hội đồng xét xử xử giao cháu Trần Đăng Khôi cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K không yêu cầu chị N cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị N được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

[2.2] Về tài sản chung và nợ chung: anh K xác định anh và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 18/01/2024, chị N có ý kiến sẽ khởi kiện yêu cầu chia tài sản và nợ chung. Vì vậy, Tòa án đã ban hành thông báo số 20/2024/TB- TA thông tin đến chị N biết thời gian thực hiện việc làm đơn khởi kiện để được xem xét thụ lý yêu cầu chia tài sản và nợ chung của vợ chồng sau khi ly hôn để giải quyết trong cùng vụ án nhưng hết

thời hạn theo thông báo chị N không giao nộp đơn cho Tòa án. Vì vậy, đối với ý kiến này của chị không được xem xét giải quyết nên về tài sản và nợ chung, anh K yêu cầu Tòa án không giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào các bên có tranh chấp thì sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3]Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án phí ly hôn sơ thẩm anh K phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh K đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002356 ngày 29 tháng 11 năm 2023 và 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005634 ngày 18/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Hoàn trả lại cho anh K tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm thừa là 300.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Trần Văn K được ly hôn với chị Nguyễn Hồng N

2.Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh K và chị N: Chị N giao con chung Trần Đăng Khôi, sinh ngày 12/4/2009 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu Khôi. Riêng con chung Trần Hải Đăng đã trưởng thành. Chị N không cấp dưỡng nuôi con do anh K không yêu cầu. Chị N được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm buộc anh K phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh K đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0002356 ngày 29 tháng 11 năm 2023 và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0005634 ngày 18/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Hoàn trả lại cho anh K tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm thừa là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày, anh K được tính kể từ ngày tuyên án (10-5-2024) chỉ

N được tính kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Hương